



**CẤU TRÚC ĐỀ THI**  
**CHỌN HỌC SINH GIỎI THÀNH PHỐ CẤP THCS NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 233/QĐ-SGDĐT ngày 10/02/2023)

**MÔN: TOÁN**

**I. Quy định chung**

- Hình thức thi: Tự luận 100%.
- Thời gian thi: 150 phút.
- Thang điểm chấm thi: 10 điểm.
- Số bài trong đề thi: 05 bài.
- Nội dung đề thi: Các bài trong đề thi không trùng lặp với các bài thi đã công bố trong ba năm gần đây.

**II. Cấu trúc đề thi**

| Thứ tự | Nội dung  | Điểm | Mức độ       |
|--------|---|------|--------------|
| Bài 1  | Bài toán về biểu thức chứa căn thức bậc hai, bậc ba                             | 1,0  | Thông hiểu   |
|        |   | 1,0  | Vận dụng     |
| Bài 2  | Áp dụng định lý Vi-et.  | 1,0  | Thông hiểu   |
|        | Phương trình, hệ phương trình đại số, vô tỉ                                     | 1,0  | Vận dụng     |
| Bài 3  | Số học (Số nguyên tố, số chính phương, chia hết, phương trình nghiệm nguyên...) | 1,0  | Vận dụng     |
|        | Bài toán về bất đẳng thức - Cực trị   | 1,0  | Vận dụng cao |
| Bài 4  | Bài toán hình học phẳng   | 1,0  | Thông hiểu   |
|        |   | 1,0  | Vận dụng     |
|        |   | 1,0  | Vận dụng cao |
| Bài 5  | Tổ hợp, rời rạc (nguyên lý Dirichlet, bất biến, tô màu ...)                     | 1,0  | Vận dụng cao |



**CẤU TRÚC ĐỀ THI  
CHỌN HỌC SINH GIỎI THÀNH PHỐ CẤP THCS NĂM 2023**

Kèm theo Quyết định số 233/QĐ-SGDĐT ngày 10/02/2023)

**MÔN: VẬT LÝ**

**I. Quy định chung**

**1. Thời gian thi:** 180 phút.

**2. Hình thức thi:** Tự luận.

**3. Định dạng:**

- Số bài: 08.

- Thang điểm: 10 điểm.

- Nội dung câu hỏi và bài tập: không trùng lặp với các đề thi của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng đã công bố trong 03 năm gần đây, không sao chép từ các sách và tư liệu trên Internet.

**4. Giới hạn kiến thức:** chương trình môn Vật lý lớp 6, 7, 8, 9 tính đến trước thời điểm thi 01 tuần theo chương trình GDPT 2006; bám sát các yêu cầu trong Công văn 3280/BGDĐT ngày 27/8/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện điều chỉnh nội dung dạy học cấp THPT, THCS.

**5. Phải xây dựng ma trận trước khi ra đề.**

**II. Cấu trúc đề thi**

| Bài                     | Chủ đề  | Các đơn vị kiến thức  | Điểm<br>mức<br>độ<br>TH | Điểm<br>mức<br>độ<br>VD | Điểm<br>mức<br>độ<br>VDC |
|-------------------------|---|---|-------------------------|-------------------------|--------------------------|
| <b>Bài 1</b><br>(1,0 đ) | Cơ học 1:<br>Chuyển động<br>cơ học.               | - Chuyển động thẳng đều, không đều.<br>- Bài toán nhiều vật chuyển động.<br>- Đồ thị của chuyển động thẳng.   |                         |                         | <b>1,0</b>               |
| <b>Bài 2</b><br>(1,0 đ) | Cơ học 2:<br>Lực, áp suất,<br>công, công<br>suất. | - Áp suất chất rắn, chất lỏng.<br>- Bài tập thực tế vận dụng kiến thức về công, công suất và các máy cơ đơn giản.<br>- Trạng thái cân bằng đơn giản của vật rắn trong các hệ cơ học.<br>- Lực đẩy Acsimet – Sự nổi. | <b>1,0</b>              |                         |                          |
| <b>Bài 3</b><br>(2,0 đ) | Nhiệt học   | - Quá trình trao đổi nhiệt giữa các vật, phương trình cân bằng nhiệt.<br>- Đồ thị mô tả các quá trình nhiệt.  | <b>1,0</b>              | <b>1,0</b>              |                          |
| <b>Bài 4</b><br>(2,0 đ) | Điện học  | - Mạch điện hỗn hợp chứa các điện trở và các dụng cụ đo.<br>- Điện trở của dây dẫn. Mạch điện sử dụng biến  |                         | <b>1,0</b>              | <b>1,0</b>               |



| Bài                     | Chủ đề                                     | Các đơn vị kiến thức  | Điểm<br>mức<br>độ<br>TH | Điểm<br>mức<br>độ<br>VD | Điểm<br>mức<br>độ<br>VDC |
|-------------------------|--|---|-------------------------|-------------------------|--------------------------|
|                         |  | trở, biện luận các đại lượng trong mạch điện.<br>- Điện năng, định luật Jun – Lenxơ.  |                         |                         |                          |
| <b>Bài 5</b><br>(1,0 đ) | Quang học 7                                | - Định luật phản xạ ánh sáng.<br>- Bài tập quang học về gương phẳng.  | <b>1,0</b>              |                         |                          |
| <b>Bài 6</b><br>(1,0 đ) | Quang học 9                                | - Bài tập thấu kính đơn, hệ quang học.  |                         |                         | <b>1,0</b>               |
| <b>Bài 7</b><br>(1,0 đ) | Điện từ học                                | - Lực điện từ.<br>- Từ trường của ống dây có dòng điện chạy qua.<br>- Truyền tải điện năng đi xa.<br>- Máy biến thế.  | <b>1,0</b>              |                         |                          |
| <b>Bài 8</b><br>(1,0 đ) | Phương án thực hành hoặc bài toán thực tế. | - Thiết kế phương án thực hành để xác định các đại lượng vật lí hoặc bài toán thực tế thuộc các chủ đề cơ học, nhiệt học, điện học, điện từ học, quang học của chương trình lớp 6, 7, 8, 9. |                         | <b>1,0</b>              |                          |
| <b>Tổng điểm</b>        |  |   | <b>4,0</b>              | <b>3,0</b>              | <b>3,0</b>               |
|                         |  |   | <b>10</b>               |                         |                          |

**Chú ý:** + Trong cấu trúc trên, đối với các chủ đề có nhiều đơn vị kiến thức, người ra đề sẽ chọn một hoặc một số đơn vị kiến thức trong các nội dung đã liệt kê.

+ Học sinh chỉ được phép dùng các kiến thức vật lí của cấp THCS.





**CẤU TRÚC ĐỀ THI  
CHỌN HỌC SINH GIỎI THÀNH PHỐ CẤP THCS NĂM 2023**

Kèm theo Quyết định số 233/QĐ-SGDĐT ngày 10/02/2023.

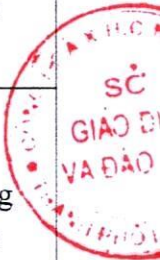
**MÔN: HÓA HỌC**

**I. Quy định chung**

- Hình thức thi: Tự luận 100%.
- Thời gian thi: 150 phút.
- Thang điểm chấm thi: 10 điểm
- Số bài trong đề thi: 10 bài (mỗi bài có thể có nhiều ý).
- Nội dung bài tập: Không trùng lặp với các bài thi đã công bố trong 3 năm gần đây.
- Giới hạn kiến thức: Chương trình môn Hóa học 8, 9 trước thời điểm thi 1 tuần tính theo phân phối chương trình của Sở GD&ĐT Hải Phòng.-

**II. Cấu trúc đề thi**

| Thứ tự | Nội dung  | Điểm       | Mức độ     |
|--------|---|------------|------------|
| Bài 1  | <ul style="list-style-type: none"> <li>■ Kiến thức <i>vô cơ</i> (nguyên tử, phân tử, bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học):</li> <li>- Cấu tạo nguyên tử.</li> <li>- Bảng tuần hoàn, định luật tuần hoàn.</li> </ul>  | (1,0 điểm) | Thông hiểu |
| Bài 2  | <ul style="list-style-type: none"> <li>■ Kiến thức đại cương hóa học <i>vô cơ</i>:</li> <li>- So sánh tính chất vật lí, hóa học của các chất.</li> <li>- Các loại phản ứng.</li> <li>- Xác định chất thông qua tính chất.</li> </ul>  | (1,0 điểm) | Thông hiểu |
| Bài 3  | <ul style="list-style-type: none"> <li>■ Kiến thức tính chất hoá học các chất <i>vô cơ</i>:</li> <li>- Nhận biết, tách chất, điều chế.</li> <li>- Thí nghiệm tính chất vật lí, hóa học.</li> <li>- Sơ đồ chuyển hoá, hoàn thiện phản ứng.</li> <li>- Viết phương trình phản ứng theo các quá trình hoá học.</li> </ul>  | (1,0 điểm) | Thông hiểu |
| Bài 4  | <ul style="list-style-type: none"> <li>■ Kiến thức tính chất hoá học các chất <i>hữu cơ</i>:</li> <li>- Viết CTCT, gọi tên các hợp chất hữu cơ thông dụng.</li> <li>- Liên kết hoá học (liên kết đơn, đôi, ba trong hóa học hữu cơ).</li> <li>- Nhận biết, tách chất, điều chế.</li> <li>- Thí nghiệm tính chất vật lí, hóa học.</li> <li>- Sơ đồ chuyển hoá, hoàn thiện phản ứng.</li> <li>- Viết phương trình phản ứng theo các quá trình hoá học.</li> </ul> | (1,0 điểm) | Thông hiểu |



ks



| Thứ tự | Nội dung  | Điểm       | Mức độ        |
|--------|---|------------|---------------|
| Bài 5  | <ul style="list-style-type: none"> <li>■ Bài toán chuyên đề <b>vô cơ</b>:</li> <li>- Các hợp chất: Oxit, axit, bazơ, muối.</li> <li>- Phi kim, hợp chất phi kim.</li> <li>- Kim loại, hợp chất kim loại.</li> <li>- Định luật hóa học (Định luật bảo toàn khối lượng và định luật bảo toàn nguyên tố), phương pháp giải nhanh.</li> </ul> <p><i>(Bài toán thiên nhiều về một trong các nội dung trên)</i></p>                                     | (1,0 điểm) | Vận dụng thấp |
| Bài 6  | <ul style="list-style-type: none"> <li>■ Bài toán chuyên đề <b>hữu cơ</b>:</li> <li>- Xác định CTPT hợp chất hữu cơ.</li> <li>- Hidrocacbon (số lượng nguyên tử <math>C \leq 8</math>) – (Không liên quan đến nội dung Benzen).</li> <li>- Dẫn xuất hidrocacbon: Rượu (Ancol), Axit cacboxylic.</li> <li>- Định luật hóa học, phương pháp giải nhanh.</li> </ul> <p><i>(Bài toán thiên nhiều về một trong các nội dung trên)</i></p>              | (1,0 điểm) | Vận dụng thấp |
| Bài 7  | <ul style="list-style-type: none"> <li>■ Bài toán tổng hợp kiến thức <b>vô cơ</b>:</li> <li>- Phi kim, hợp chất phi kim.</li> <li>- Kim loại, hợp chất kim loại.</li> <li>- Định luật hóa học, phương pháp giải nhanh.</li> </ul> <p><i>(Bài toán chứa trên hai nội dung trong các nội dung trên)</i></p>   | (1,0 điểm) | Vận dụng cao  |
| Bài 8  | <ul style="list-style-type: none"> <li>■ Bài toán tổng hợp kiến thức <b>hữu cơ</b>:</li> <li>- Xác định CTPT hợp chất hữu cơ.</li> <li>- Hidrocacbon (số lượng nguyên tử <math>C \leq 8</math>) - (Không liên quan đến nội dung Benzen).</li> <li>- Dẫn xuất hidrocacbon: Rượu (Ancol), axit cacboxylic.</li> <li>- Định luật hóa học, phương pháp giải nhanh.</li> </ul> <p><i>(Bài toán chứa trên hai nội dung trong các nội dung trên)</i></p> | (1,0 điểm) | Vận dụng cao  |
| Bài 9  | <ul style="list-style-type: none"> <li>■ Mô hình, biểu đồ, đồ thị, ... thí nghiệm hóa học <b>vô cơ</b>.</li> </ul>  | (1,0 điểm) | Vận dụng cao  |
| Bài 10 | <ul style="list-style-type: none"> <li>■ Vận dụng kiến thức hoá học giải quyết các vấn đề thực tiễn trong cuộc sống liên quan đến hoá học (<b>vô cơ và hữu cơ</b>):</li> <li>- Quá trình sản xuất hóa học.</li> <li>- Hiện tượng tự nhiên; ô nhiễm môi trường.</li> <li>- Bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, môi trường.</li> <li>- Sử dụng hóa chất tiết kiệm và hiệu quả.</li> </ul>  | (1,0 điểm) | Vận dụng thấp |



**CẤU TRÚC ĐỀ THI**  
**CHỌN HỌC SINH GIỎI THÀNH PHỐ CẤP THCS NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 233 QĐ-SGDĐT ngày 10/02/2023)

**MÔN: SINH HỌC**

**I. Quy định chung:**

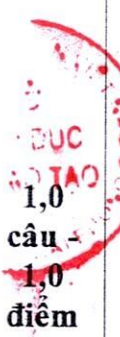
- Hình thức thi: tự luận.
- Thời gian thi: 150 phút.
- Thang điểm: 10 điểm.

**II. Cấu trúc đề.**

| Đơn vị kiến thức (Chương)            | CÁC MỨC ĐỘ NHẬN THỨC   |  |   |                       |
|--------------------------------------|--|--|---|-----------------------|
|                                      | Thông hiểu   | Vận dụng   | Vận dụng cao  | Điểm                  |
| <b>Các thí nghiệm của Mendel</b>     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu nội dung, ý nghĩa của quy luật phân li và phân li độc lập.</li> <li>- Áp dụng quy luật di truyền để giải thích hiện tượng thực tế</li> </ul> <b>1 câu - 1,0 điểm</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận dụng nội dung quy luật phân li và phân li độc lập để giải quyết các bài tập di truyền.</li> </ul> <b>1 câu -1,0 điểm</b>  |   | <b>2 câu-2,0 điểm</b> |
| <b>Nhiễm sắc thể</b>                 |  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận dụng kiến thức của NST để giải thích một số cơ chế di truyền qua các thế hệ tế bào và cơ thể.</li> <li>- Vận dụng quá trình phát sinh giao tử và thụ tinh, cơ chế hình thành giới tính để giải thích các hiện tượng thực tế.</li> </ul> <b>0,5 câu – 1,0 điểm</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định được sự biến đổi số lượng, hình thái, trạng thái NST trong quá trình phân bào ở một số loài sinh vật cụ thể.</li> </ul> <b>0,5 câu-0,5 điểm</b> | <b>1 câu-1,5 điểm</b> |
| <b>ADN và gen</b>                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân biệt các quá trình tự sao, phiên mã và dịch mã.</li> </ul> <b>0,5 câu - 0,5 điểm</b>   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải thích các cơ chế tổng hợp của ADN, ARN, Protein và ứng dụng trong thực tiễn.</li> </ul> <b>0,5 câu -0,5 điểm</b>   |   | <b>1 câu-1,0 điểm</b> |
| <b>Biến dị - Di truyền học người</b> |  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định được các dạng đột biến.</li> <li>- Giải thích cơ chế hình thành các thể đột biến dị</li> </ul>   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định một số đặc điểm di truyền của</li> </ul>  | <b>2 câu-2,0 điểm</b> |





| Đơn vị kiến thức (Chương)     | CÁC MỨC ĐỘ NHẬN THỨC  |   |   |  |
|-------------------------------|---|---|---|--|
|                               | Thông hiểu  | Vận dụng  | Vận dụng cao  | Điểm   |
|                               |   | bội và đa bội.<br>- Vận dụng kiến thức di truyền-biến dị để giải thích các hiện tượng thực tế.<br><b>1,0 câu - 1,0 điểm</b>   | một số thể đột biến ở người<br><br><b>1 câu -1,0 điểm</b> |  |
| <b>Ứng dụng di truyền học</b> | - Trình bày quy trình của các phương pháp tạo giống mới.<br>- Giải thích được nguyên nhân của thoái hóa giống và ưu thế lai.<br><b>0,5 câu - 0,5 điểm</b>             | - Giải thích cơ sở di truyền học của ưu thế lai, công nghệ tế bào, công nghệ gen và ứng dụng của chúng trong đời sống.<br><br><b>0,5 câu - 0,5 điểm</b>   |   | <b>1,0 câu - 1,0 điểm</b>  |
| <b>Sinh vật và môi trường</b> | - Trình bày ảnh hưởng của các nhân tố sinh thái lên đời sống sinh vật và nêu các đặc điểm thích nghi về hình thái, sinh lý của sinh vật.<br><b>0,5 câu - 0,5 điểm</b> | - Vận dụng mối quan hệ giữa các loài sinh vật trong quần xã vào thực tiễn sản xuất.<br><br><b>0,5 câu - 1,0 điểm</b>  |   | <b>1,0 câu - 1,5 điểm</b>  |
| <b>Hệ sinh thái</b>           | - Hiểu được đặc điểm đặc trưng của quần thể, quần xã và hệ sinh thái.<br>- Phân biệt quần thể và quần xã.<br><br><b>0,5 câu - 0,5 điểm</b>                            | - Xây dựng được các chuỗi thức ăn, lưới thức ăn.<br>- Vận dụng mối quan hệ dinh dưỡng giữa các sinh vật trong hệ sinh thái vào thực tiễn sản xuất.<br>- Phân tích sự biến động số lượng các cá thể trong quần thể sinh vật.<br>- Giải thích sự chuyển hóa vật chất và năng lượng trong hệ sinh thái.<br><b>0,5 câu - 0,5 điểm</b> |   | <br><b>1,0 câu - 1,0 điểm</b> |
| <b>Tổng</b>                   | <b>3,0 điểm</b>   | <b>5,5 điểm</b>   | <b>1,5 điểm</b>   | <b>9 câu/10 điểm</b>   |

ket

**CÂU TRÚC ĐỀ THI**  
**CHỌN HỌC SINH GIỎI THÀNH PHỐ CẤP THCS NĂM 2023**  
 (Kèm theo Quyết định số 233/QĐ-SGDĐT ngày 10/02/2023)



**MÔN: CÔNG NGHỆ**

**I. Quy định chung**

- Hình thức thi: Gồm 02 bài thi: Bài thi Lý thuyết + Bài thi Thực hành.
- Giới hạn kiến thức: Chuẩn kiến thức kỹ năng: Phần III- Kỹ thuật điện Công nghệ 8 và nội dung Mô đun Lắp đặt mạng điện trong nhà Công nghệ 9; Tích hợp liên môn, vận dụng thực tế; không ra đề vào nội dung “giảm tải”.
- Đề thi đảm bảo chính xác, khoa học, phân hóa được trình độ học sinh.

**II. Cấu trúc đề thi**

**1. Bài thi lý thuyết:** Tự luận

Thời gian: 45 phút

Thang điểm chấm thi: 10 điểm

Số lượng câu trong đề: 04 đến 05 câu

**2. Bài thi thực hành:**

Thời gian làm bài thi: 120 phút

Thang điểm chấm thi: 20 điểm

+ Vận dụng thực tế, ứng dụng thiết kế, lắp mô phỏng trên bảng gỗ (hoặc vật liệu phù hợp), gồm mạng điện từ 4 đến 5 mạch điện cơ bản với các loại thiết bị được học trong chương trình và thiết bị tương đương cập nhật trong thực tế cùng chức năng;

+ Công tác chuẩn bị dụng cụ, đồ dùng, thiết bị, vật liệu cho bài thực hành do nhà trường, giáo viên cùng học sinh tự chuẩn bị.

KT





**CẤU TRÚC ĐỀ THI**  
**CHỌN HỌC SINH GIỎI THÀNH PHỐ CẤP THCS NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 233/QĐ-SGDĐT ngày 10/02/2023)

**MÔN: TIN HỌC**

**I. Quy định chung**

- Hình thức thi: 100% trên máy tính.
- Thời gian thi: 150 phút.
- Thang điểm chấm: 10 điểm.
- Số bài trong đề thi: 03 bài.
- Nội dung đề thi: Các bài trong đề thi không trùng lặp với các bài thi đã công bố trong ba năm gần đây.

**II. Cấu trúc đề thi**

| Thứ tự      | Nội dung   | Mức độ  | Điểm           |
|-------------|--|---|----------------|
| Bài 1       | Các bài toán duyệt và xử lý trên chuỗi ký tự   | - 60% test đặc trưng cơ bản (1,8 điểm)<br>- 40% test đặc biệt có dữ liệu lớn (1,2 điểm)   | 3,0 điểm       |
| Bài 2       | Các bài toán duyệt và xử lý trên mảng một chiều  | - 25% test đặc trưng cơ bản (0,875 điểm)<br>- 50% test có dữ liệu đặc biệt (1,75 điểm)<br>- 25% test có dữ liệu lớn đặc biệt (0,875 điểm) | 3,5 điểm       |
| Bài 3       | Xây dựng chương trình con (hàm hoặc thủ tục) để xử lý yêu cầu của bài toán hoặc sử dụng thuật toán trong tin học | - 25% test đặc trưng cơ bản (0,875 điểm)<br>- 50% test có dữ liệu đặc biệt (1,75 điểm)<br>- 25% test có dữ liệu lớn đặc biệt (0,875 điểm) | 3,5 điểm       |
| <b>Tổng</b> |  |   | <b>10 điểm</b> |

KS



**CẤU TRÚC ĐỀ THI**  
**CHỌN HỌC SINH GIỎI THÀNH PHỐ CẤP THCS NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 233/QĐ-SGDĐT ngày 10/02/2023)

**MÔN: NGỮ VĂN**

**I. Quy định chung**

1. Thời gian thi: 150 phút
2. Hình thức thi: 100% tự luận
3. Định dạng:

- Số câu/Bài thi: 02 câu/Bài thi
- Thang điểm: 10 điểm

- Nội dung câu hỏi và bài tập: không trùng lặp với các đề thi chọn học sinh giỏi thành phố cấp THCS của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng đã công bố trong 03 năm gần đây.

4. Đề thi không hỏi những nội dung được hướng dẫn *khuyến khích học sinh tự học, khuyến khích học sinh tự đọc, khuyến khích học sinh tự làm, không dạy* theo Công văn số 3280/BGDĐT-GDTrH ngày 27 tháng 8 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về *Hướng dẫn thực hiện điều chỉnh nội dung dạy học cấp THCS, THPT.*

**II. Cấu trúc đề thi**

| Câu         | Yêu cầu  | Điểm        | Mức độ       |
|-------------|--|-------------|--------------|
| Câu 1       | Nghị luận xã hội về vấn đề tư tưởng đạo lý/<br>sự việc, hiện tượng đời sống xã hội | 4,0         | Vận dụng cao |
| Câu 2       | Nghị luận văn học về một/một vài ý kiến bàn<br>về văn học                          | 6,0         | Vận dụng cao |
| <b>Tổng</b> |  | <b>10,0</b> |              |

*kt*





**CẤU TRÚC ĐỀ THI**  
**CHỌN HỌC SINH GIỎI THÀNH PHỐ CẤP THCS NĂM 2023**  
 (Kèm theo Quyết định số 233/QĐ-SGDĐT ngày 10/02/2023)

**MÔN: LỊCH SỬ**

**I. QUY ĐỊNH CHUNG**

1. Thời gian làm bài: 150 phút.
2. Hình thức thi: 100% tự luận.
3. Định dạng:
  - Số câu: 05 câu.
  - Gồm các nội dung chủ đề trong chương trình Lịch sử lớp 9 (Chương trình GDPT 2006), cụ thể như sau:
    - + Lịch sử thế giới hiện đại từ năm 1945 đến nay.
    - + Lịch sử Việt Nam từ năm 1919 đến năm 1930.
    - + Lịch sử Việt Nam từ năm 1930 đến năm 1945.
    - + Lịch sử Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1954.
  - Thang điểm: 10
  - Nội dung câu hỏi: không trùng lặp với các Đề thi của Sở GDĐT Hải Phòng đã công bố trong 3 năm gần nhất.
4. Đề thi không hỏi những nội dung được hướng dẫn *không dạy, hướng dẫn HS đọc thêm, khuyến khích HS tự học, khuyến khích HS tự đọc* theo Công văn số 3280/BGDĐT-GDTrH ngày 27 tháng 8 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện điều chỉnh nội dung dạy học cấp THCS, THPT.
5. Đề thi đảm bảo tính khoa học, chính xác, phân hóa được trình độ của học sinh.

**II. CẤU TRÚC ĐỀ THI**

| TT          | Chủ đề  | Số câu    | Số điểm     | Mức độ nhận thức                   |
|-------------|---|-----------|-------------|------------------------------------|
| 1           | Lịch sử thế giới hiện đại từ năm 1945 đến nay   | 01        | 3,0         | Thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao |
| 2           | Lịch sử Việt Nam từ năm 1919 đến năm 1930   | 01        | 2,0         | Thông hiểu, vận dụng               |
| 3           | Lịch sử Việt Nam từ năm 1930 đến năm 1945   | 01        | 2,0         | Thông hiểu, vận dụng               |
| 4           | Lịch sử Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1954   | 01        | 2,0         | Thông hiểu, vận dụng               |
| 5           | Câu hỏi mở (liên hệ thực tiễn địa phương, liên hệ hiện nay, rút ra bài học từ một vấn đề lịch sử,...) | 01        | 1,0         | Vận dụng cao                       |
| <b>Tổng</b> |   | <b>05</b> | <b>10,0</b> |                                    |

**CẤU TRÚC ĐỀ THI**  
**CHỌN HỌC SINH GIỎI THÀNH PHỐ CẤP THCS NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 233/QĐ-SGDĐT ngày 10/02/2023)



**MÔN: ĐỊA LÍ**

**I. Qui định chung**

1. Thời gian thi: 150 phút.
2. Hình thức thi: 01 bài thi, 100% tự luận.
3. Nội dung chi tiết

- Số câu: 05.

- Nội dung thuộc chương trình giáo dục phổ thông môn Địa lí cấp THCS:

+ Địa lí 8 (Địa lí tự nhiên Việt Nam).

+ Địa lí 9.

+ Địa lí Hải Phòng.

- Thang điểm: 10.

- Nội dung câu hỏi không trùng lặp với các đề thi của Sở Giáo dục Đào tạo Hải Phòng đã công bố trong 03 năm gần nhất.

- Đề thi không hỏi những nội dung được hướng dẫn không dạy, hướng dẫn học sinh đọc thêm, khuyến khích học sinh tự học, các bài giảm tải theo công văn 3280/BGDĐT ngày 27/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện điều chỉnh nội dung dạy học cấp THCS, THPT.

**II. Cấu trúc đề thi**

| TT                         | Chủ đề  | Số câu | Điểm | Mức độ          |
|----------------------------|---|--------|------|-----------------|
| Địa lí 8                   | - Địa lí tự nhiên Việt Nam  | 01     | 1,5  | Biết            |
|                            | - Địa lí tự nhiên Việt Nam<br>(Sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam)   | 01     | 2,0  | Hiểu - Vận dụng |
| Địa lí 9                   | - Địa lí dân cư<br>- Địa lí kinh tế<br>- Sự phân hoá lãnh thổ<br>(Sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam)  | 01     | 2,0  | Hiểu - Vận dụng |
|                            | - Vẽ, nhận xét biểu đồ, bảng số liệu<br><i>* Lưu ý: Sử dụng bút mực khi vẽ biểu đồ, trừ đường tròn vẽ bằng Compa.</i>   | 01     | 2,0  | Vận dụng        |
| Địa lí thành phố Hải Phòng | - Kiến thức địa lí thành phố Hải Phòng (Vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, đặc điểm dân cư, các ngành kinh tế).<br><i>* Lưu ý: Học sinh được sử dụng bản đồ hành chính Hải Phòng.</i> | 0,5    | 1,0  | Hiểu            |
|                            | - Vận dụng kiến thức để giải quyết tình huống thực tiễn của thành phố Hải Phòng.  | 0,5    | 1,5  | Vận dụng cao    |



**CẤU TRÚC ĐỀ THI**  
**CHỌN HỌC SINH GIỎI THÀNH PHỐ CẤP THCS NĂM 2023**  
 (Kèm theo Quyết định số 233/QĐ-SGDĐT ngày 10/02/2023)

**MÔN: GIÁO DỤC CÔNG DÂN**

**I. Quy định chung**

1. Thời gian thi: 150 phút.

2. Hình thức thi: 100% tự luận.

**3. Định dạng**

- Số câu trong đề thi: 05 câu.

- Thang điểm: 10 điểm.

- Nội dung câu hỏi không trùng lặp với các đề thi của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng đã công bố trong 03 năm gần đây.

**4. Giới hạn kiến thức**

- Nội dung chương trình GDCCD (lớp 8, 9), không vi phạm nội dung giám tải theo công văn 3280/BGDĐT-GDTrH ngày 27/8/2020.

- Các phẩm chất đạo đức và chuẩn mực pháp luật; Bộ máy nhà nước, Pháp luật nước cộng hoà XHCN Việt Nam. Trách nhiệm của công dân với gia đình, xã hội và việc giữ gìn, phát huy truyền thống, giá trị văn hoá của dân tộc, hội nhập quốc tế; nội dung giáo dục địa phương.

5. Phải xây dựng ma trận trước khi ra đề thi.

**II. Cấu trúc đề thi**

| Thứ tự      | Nội dung   | Điểm           |
|-------------|--|----------------|
| Câu 1       | Các phẩm chất đạo đức trong mối quan hệ với bản thân.  | 1,5 điểm       |
| Câu 2       | Các phẩm chất đạo đức trong mối quan hệ với người khác, với công việc, với cộng đồng, xã hội.  | 2,0 điểm       |
| Câu 3       | Các chuẩn mực pháp luật về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.  | 2,0 điểm       |
| Câu 4       | Bộ máy nhà nước, Pháp luật nước cộng hoà XHCN Việt Nam.  | 2,0 điểm       |
| Câu 5       | Trách nhiệm của công dân với gia đình, xã hội và việc giữ gìn, phát huy truyền thống, giá trị văn hoá của dân tộc, hội nhập quốc tế... | 2,5 điểm       |
| <b>Tổng</b> |  | <b>10 điểm</b> |

**CẤU TRÚC ĐỀ THI**  
**CHỌN HỌC SINH GIỎI THÀNH PHỐ CẤP THCS NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 233/QĐ-SGDĐT ngày 10/02/2023)

**MÔN: TIẾNG ANH**

Thời lượng: 150 phút

| NỘI DUNG                     | DẠNG BÀI  | SỐ CÂU                     | SỐ ĐIỂM  |
|------------------------------|---|----------------------------|----------|
| <b>A. NGHE</b>               | 1. Nghe điền thông tin (Nghe bản tin, đọc thoại, hội thoại theo trình độ B1)  | 10 ô trống                 | 10 điểm  |
|                              | 2. Nghe chọn câu trả lời A, B, C, D (Nghe bản tin, đọc thoại, hội thoại theo trình độ B1)   | 5 câu                      | 5 điểm   |
| <b>B. NGỮ ÂM</b>             | 1. Phát âm (Nguyên âm đơn, nguyên âm đôi, phụ âm, âm câm, âm cuối "ed" và "s"..)  | 5 câu                      | 5 điểm   |
|                              | 2. Trọng âm (Từ 2 đến 5 âm tiết, từ ghép)   | 5 câu                      | 5 điểm   |
| <b>C. TỪ VỰNG - NGỮ PHÁP</b> | 1. Chọn đáp án A, B, C, D ( Dùng từ, thành ngữ, giao tiếp, các cấu trúc ngữ pháp....)<br><i>Chú ý: Không cho đảo ngữ, giới từ, thời, dạng động từ ở phần này.</i> | 20 câu                     | 10 điểm  |
|                              | 2. Biến đổi từ  | 10 câu                     | 5 điểm   |
|                              | 3. Giới từ và cụm động từ   | 10 câu (Mỗi câu 2 ô trống) | 10 điểm  |
|                              | 4. Động từ  | 5 câu (Mỗi câu 2 động từ)  | 5 điểm   |
|                              | 5. Tìm và sửa lỗi trong câu   | 5 câu                      | 5 điểm   |
| <b>D. ĐỌC HIỂU</b>           | 1. Đọc chọn đáp án A, B, C, D để trả lời câu hỏi  | 10 câu                     | 10 điểm  |
|                              | 2. Đọc chọn đáp án A, B, C, D để điền vào ô trống   | 10 ô trống                 | 5 điểm   |
|                              | 3. Đọc và điền từ vào ô trống   | 10 ô trống                 | 10 điểm  |
| <b>E. VIẾT</b>               | 1. Viết lại câu có mở đầu   | 10 câu                     | 10 điểm  |
|                              | 2. Viết lại câu dùng một từ cho sẵn trong ngoặc   | 5 câu                      | 5 điểm   |
| <b>TỔNG ĐIỂM</b>             |   |                            | 100 điểm |





**CẤU TRÚC ĐỀ THI**  
**CHỌN HỌC SINH GIỎI THÀNH PHỐ CẤP THCS NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 233/QĐ-SGDĐT ngày 10/02/2023)

**MÔN: TIẾNG PHÁP**

**I. Quy định chung**

- Hình thức thi: gồm 2 phần (Trắc nghiệm và Tự luận)
- Thời gian thi: 150 phút
- Thang điểm chấm thi: 10 điểm.
- Phần nghe định dạng đuôi \*.mp3
- Nội dung đề thi: các bài trong đề thi không trùng lặp với các bài thi đã công bố trong 3 năm gần đây.
- Giới hạn kiến thức: Chương trình Song ngữ Tiếng Pháp cấp THCS 6, 7, 8, 9.

**II. Cấu trúc đề thi**

| Thứ tự | DẠNG BÀI                  | NỘI DUNG  | SỐ ĐIỂM  |
|--------|---------------------------|---|----------|
| I      | COMPRÉHENSION ORALE       | - Durée: 1 minute - 3 minutes<br>- Niveau: B1<br>- Types de questions:<br>+ Complétez les phrases<br>+ QCM  | 2,0 điểm |
| II     | COMPRÉHENSION ÉCRITE      | *Exercice 1 (1,0 pt):<br>- Compléter le texte avec les mots proposés.<br>*Exercice 2 (2,0pts):<br>- Lire un texte et répondre aux questions en cochant la bonne réponse ou en écrivant l'information demandée.  | 3,0 điểm |
| III    | CONNAISSANCE DE LA LANGUE | 1. Synonyme et antonyme<br>2. Mots de la même famille<br>3. Pronoms<br>4. Prépositions<br>5. Adjectif verbal et participe présent<br>6. Temps et modes<br>7. Transformation de la phrase (passive/active; discours direct/indirect; phrases verbales/nominales)<br>8. Expressions (logiques, temporelles) | 3,0 điểm |
| IV     | EXPRESSION ÉCRITE         | *Exercice 1: Remettre les phrases en ordre (10 phrases, 0,5pt)<br>*Exercice 2: Rédiger un texte argumentatif d'environ 150 mots sur un des deux sujets donnés (1,5pt).  | 2,0 điểm |

KT

**CÂU TRÚC ĐỀ THI**  
**CHỌN HỌC SINH GIỎI THÀNH PHỐ CẤP THCS NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 233/QĐ-SGDĐT ngày 10/02/2023)

**MÔN: ÂM NHẠC**

**I. Quy định chung**

- Hình thức thi: Gồm 2 bài thi (Bài thi lí thuyết và bài thi thực hành)  
(lí thuyết: 10 điểm, thực hành: 20 điểm)
- Giới hạn kiến thức: Âm nhạc THCS theo Chương trình giáo dục phổ thông 2006
- Đề thi đảm bảo chính xác, khoa học, phân hóa được trình độ học sinh.

**II. Cấu trúc**

**1. Bài thi lí thuyết: Trắc nghiệm kết hợp tự luận**

- Thời gian: 30 phút
- Thang điểm chấm thi: 10 điểm
- + Trắc nghiệm: 3,0 điểm
- + Tự luận: 7,0 điểm

| PHÂN MÔN               | NỘI DUNG   | MỨC ĐỘ                  |
|------------------------|--|-------------------------|
| Nhạc lí                | Các kí hiệu âm nhạc/ quãng / dịch giọng/ hợp âm/ ...   | Nhận biết<br>Thông hiểu |
|                        | Viết đoạn nhạc/ dịch giọng/ tính quãng/ đặt lời ca ... | Vận dụng                |
| Âm nhạc thường thức    | Thông tin về tác giả, tác phẩm, các loại nhạc cụ ...   | Nhận biết               |
|                        | Liên hệ thực tế đời sống                               | Vận dụng                |
| Tập đọc nhạc – Bài hát | Tiết tấu, tác giả, tác phẩm                            | Nhận biết<br>Thông hiểu |

**2. Bài thi thực hành**

- Thời gian: 15 phút
- Thang điểm chấm thi: 20 điểm
- + Hát: 10 điểm (Nêu thông tin tác giả, tác phẩm; trình bày được bài hát, thể hiện được sắc thái, tình cảm bài hát)
- + Tập đọc nhạc: 10 điểm (Nhận biết bài TĐN, xác định giọng của bài, điền nốt nhạc. Đọc bài TĐN kết hợp gõ đệm, ghép lời ca kết hợp đánh nhịp)





**CẤU TRÚC ĐỀ THI**  
**CHỌN HỌC SINH GIỎI THÀNH PHỐ CẤP THCS NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 233/QĐ-SGDĐT ngày 10/02/2023)

**MÔN: MĨ THUẬT**

**I. Quy định chung**

- Hình thức thi: Lý thuyết và thực hành;
- Thời gian thi: Tổng hai bài thi: 150 phút. Lý thuyết (30 phút); Thực hành (120 phút);
- Thang điểm chấm thi: Lý thuyết 10 điểm (Hệ số 1); Thực hành 10 điểm (Hệ số 2)
- Số bài trong đề thi: 02 bài. (1 bài lý thuyết, 1 bài thực hành)

**II. Cấu trúc đề thi**

**1. Lý thuyết: 30 phút**

**a. Trắc nghiệm: 6 điểm (15 câu, mỗi câu 0,4 điểm).**

| Thứ tự                        | Nội dung          | Số lượng câu  | Điểm/câu   | Điểm từng nội dung | Mức độ  |
|-------------------------------|-------------------|---------------|------------|--------------------|---|
| Phân môn Thường thức mỹ thuật | Mỹ thuật Việt Nam | 05            | 0.4        | 2.0 điểm           | Thông hiểu (1 câu)<br>Vận dụng thấp (2 câu)<br>Vận dụng cao (2 câu) |
|                               | Mỹ thuật Thế giới | 05            | 0.4        | 2.0 điểm           | Thông hiểu (1 câu)<br>Vận dụng thấp (2 câu)<br>Vận dụng cao (2 câu) |
| Phân môn Vẽ trang trí         |                   | 02            | 0.4        | 0.8 điểm           | Thông hiểu (1 câu)<br>Vận dụng thấp (1 câu)                         |
| Phân môn Vẽ theo mẫu          |                   | 02            | 0.4        | 0.8 điểm           | Thông hiểu (1 câu)<br>Vận dụng thấp (1 câu)                         |
| Phân môn Vẽ tranh             |                   | 01            | 0.4        | 0.4 điểm           | Vận dụng thấp (1 câu)   |
| <b>Tổng</b>                   |                   | <b>15 câu</b> | <b>6.0</b> | <b>6.0 điểm</b>    |   |

**b. Tự luận: 4 điểm (02 câu, mỗi câu 2 điểm).**

- Nội dung thuộc phân môn thường thức mỹ thuật. Câu hỏi có đáp án ngắn gọn phù hợp với thời lượng của bài thi.


**2. Bài thi thực hành: 120 phút.**

**BẢN ĐẶC TẢ CẤU TRÚC RA ĐỀ PHẦN THỰC HÀNH**

| Nội dung          | Đơn vị kiến thức                                     | Mức độ đánh giá |
|-------------------|--|-----------------|
| Mỹ thuật tạo hình | * Yếu tố và nguyên lý tạo hình<br>Lựa chọn, kết hợp: | 1. Nhận biết:   |

| Nội dung | Đơn vị kiến thức  | Mức độ đánh giá  |
|----------|---|--|
|          | <p><b>* Yếu tố tạo hình</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian.</li> </ul> <p>Nguyên lí tạo hình</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà.</li> </ul> <p><b>* Thể loại</b></p> <p>Lựa chọn, kết hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Lí luận và lịch sử mỹ thuật</li> <li>– Hội hoạ</li> </ul> <p><b>* Hoạt động thực hành và thảo luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Thực hành sáng tạo sản phẩm mỹ thuật 2D</li> </ul> <p><b>* Định hướng chủ đề:</b> Các đề tài vẽ tranh từ lớp 6 đến lớp 9.</p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định được nội dung đề tài trên sản phẩm.</li> </ul> <p><b>2. Thông hiểu</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lựa chọn được chất liệu/vật liệu phù hợp với hình thức thực hành hội họa.</li> </ul> <p><b>3. Vận dụng thấp</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận dụng được của yếu tố tạo hình vào thực hành tạo được sản phẩm đẹp, hấp dẫn người xem</li> </ul> <p><b>4. Vận dụng cao</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Liên hệ ứng dụng sản phẩm vào đời sống thực tiễn sinh động, gần gũi với thực tế</li> </ul> |

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ ĐIỂM NỘI DUNG KIỂM TRA PHẦN THỰC HÀNH**

| STT                       | Nội dung đánh giá   | Thang điểm đánh giá | Ghi chú   |
|---------------------------|---|---------------------|---|
| 1                         | - Xác định được đề tài đề   | 2.0 điểm            |  |
| 2                         | - Lựa chọn được chất liệu/vật liệu phù hợp với hình thức thực hành (vẽ/xé, dán/ kết hợp vẽ, xé, in...)  | 2.0 điểm            |   |
| 3                         | - Thể hiện được việc sắp xếp một số yếu tố tạo hình: nét, hình, màu sắc, đậm nhạt, không gian...  | 3.0 điểm            |   |
| 4                         | - Liên hệ ứng dụng sản phẩm vào đời sống thực tiễn và biết chia sẻ trách nhiệm của HS trong việc góp phần giữ gìn và bảo vệ môi trường, di sản mỹ thuật, phát huy nét đẹp văn truyền thống quê hương, đất nước. | 3.0 điểm            |   |
| <b>Tổng điểm: 10 điểm</b> |   |                     |   |

**Ghi chú:** Nội dung kiến thức và đề tài thuộc toàn bộ kiến thức trong sách giáo khoa từ lớp 6 đến hết học kì II Mỹ thuật 9 (tránh nội dung giảm tải trong công văn 3280). *KT*